

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

SỐ: 11-TC-2004

**NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC PHỔ BIẾN
THÔNG TIN THỐNG KÊ CỦA TRUNG TÂM TƯ LIỆU THỐNG KÊ**

1. Cấp đề tài : Tổng cục
2. Thời gian nghiên cứu : Năm 2004-2005
3. Đơn vị chủ trì : Trung tâm Tư liệu Thống kê
4. Đơn vị quản lý : Viện Khoa học Thống kê
5. Chủ nhiệm đề tài : CN. Nguyễn Bá Khoáng
6. Những người phối hợp nghiên cứu:

CN. Ngô Thị Nhượng

TS. Trần Kim Đồng

CN. Nguyễn Văn Phẩm

CN. Nguyễn Thị Chiến

CN. Lê Thị Phợng

CN. Nguyễn Thị Hồng Hải

CN. Nguyễn Thị Xuân Mai

CN. Đỗ Văn Huân

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC “NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ CỦA TRUNG TÂM TƯ LIỆU THỐNG KÊ” VÀ THỰC TRẠNG PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ

1. Sự cần thiết của việc “Nghiên cứu xác định nội dung và hình thức phổ biến thông tin thống kê...”

1.1. Yêu cầu đổi mới hoạt động thống kê nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

Trong những năm qua công tác thống kê đã không ngừng đổi mới phù hợp với tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế của đất nước, trước nhu cầu thông tin ngày càng tăng và yêu cầu chất lượng số liệu thống kê ngày càng cao, hoạt động kinh tế diễn ra sôi động đã đặt Ngành thống kê đối mặt với cơ hội và thách thức lớn lao.

Ngày nay công nghệ thông tin phát triển đã giúp cho việc thu thập, lưu giữ và sử dụng thông tin được thuận lợi, nhanh chóng và phổ cập. Công nghệ thông tin đã liên kết người cung cấp thông tin với người sử dụng thông tin trong một mạng lưới rộng rãi, không phụ thuộc vào không gian và thời gian.

1.2. Yêu cầu sử dụng có hiệu quả thông tin thống kê

Thực hiện tốt công tác phổ biến thông tin mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn vì chi phí cho các khâu thu thập, xử lý thông tin thống kê rất tốn kém được người cần thông tin sử dụng có hiệu quả.

Việc phổ biến thông tin chưa được coi là nhiệm vụ quan trọng của công tác thống kê, nên có những cuộc điều tra rất tốn kém tiền của và tốn nhiều công sức của toàn ngành nhưng kết quả tổng hợp chỉ gửi tới một số địa chỉ cụ thể để báo cáo và chỉ phổ biến rộng rãi những kết quả tóm tắt chủ yếu, tình trạng này kéo dài trong nhiều năm dẫn đến lãng phí lớn về nguồn lực thông tin.

Công nghệ thông tin có vị trí ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, nó làm tăng hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động và thay đổi phương thức hoạt động xã hội nói chung và phổ biến thông tin nói riêng.

1.3. Xuất phát từ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê nói chung và Trung tâm Tư liệu Thống kê nói riêng

- Căn cứ vào vị trí, vai trò và chức năng nhiệm vụ của Tổng cục Thống kê

Điều này phù hợp với Nghị quyết mà Ủy ban Thống kê của Liên hợp quốc thông qua tháng 4/1994 về “*Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thống kê Nhà nước*”, là một yếu tố không thể thiếu được trong hệ thống thông tin của một xã hội dân chủ, cung cấp cho các cơ quan Nhà nước, các thành phần kinh tế và cho công chúng những dữ liệu liên quan đến tình hình kinh tế, dân số, xã hội và môi trường.

Điều này cũng tuân thủ các điều của Luật Thống kê Việt Nam và “*Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê*” xác định Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm và quyền hạn công bố thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia một cách công khai, đúng thời hạn và những thông tin thống kê do Tổng cục Thống kê công bố là những thông tin có giá trị pháp lý.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tư liệu Thống kê

Căn cứ Nghị định này, ngày 22 tháng 6 năm 2004 Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký quyết định số 403/QĐ-TCTK qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm Tư liệu Thống kê.

Trung tâm Tư liệu thống kê có chức năng tập hợp, lưu giữ, quản lý các tư liệu thống kê đã công bố; phổ biến các loại thông tin thống kê này đến các đối tượng dùng tin theo cơ chế phù hợp; là đầu mối thực hiện dịch vụ thống kê theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng cục.

2. Thực trạng phổ biến thông tin thống kê hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được

- *Đối tượng thông tin mở rộng hơn*: Hiện nay, ngoài những đối tượng thông tin như trước đây, thông tin thống kê còn được phổ biến đến một số tổ chức và cá nhân khác trong nước cũng như nước ngoài.

- *Lượng thông tin phổ biến ngày một nhiều hơn*: Trước đây, hầu hết các thông tin thống kê được thu thập qua hình thức báo cáo thống kê định kỳ với hệ thống chỉ tiêu hạn hẹp, chủ yếu phục vụ việc xây dựng và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch. Hiện nay, ngoài việc duy trì chế độ báo cáo thống kê định kỳ, các cơ quan thống kê còn thường xuyên tổ chức các cuộc điều tra thống kê, phục vụ nhiều đối tượng dùng tin khác nhau nên lượng thông tin thu thập, xử lý, tổng hợp và phổ biến đến các đối tượng dùng tin ngày càng tăng.

- *Hình thức phổ biến thông tin đa dạng hơn* và đang từng bước được đổi mới theo hướng ứng dụng thành tựu của công nghệ thông tin: Ngoài hình thức phổ biến thông tin truyền thống là các ấn phẩm, cơ quan thống kê đang từng bước được phổ biến trên mạng máy vi tính và phổ biến bằng các vật mang tin đọc qua máy vi tính.

2.2. Những tồn tại và thách thức

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê chưa đồng bộ, chưa thống nhất còn thiếu nhiều chỉ tiêu tổng hợp, phân tích, thiếu các chỉ tiêu về chuyên ngành tiền tệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư xã hội, dịch vụ.

- Nguồn thông tin tuy nhiều nhưng những thông tin này nhìn chung còn được lưu giữ một cách phân tán, nằm rải rác ở nhiều đơn vị. Mặt khác, việc hệ thống chỉnh lý, chuẩn hoá các số liệu này cũng chưa được chú ý và chưa thống nhất.

- Trong những năm qua, hoạt động phổ biến thông tin thống kê ở nước ta chưa chú trọng đúng mức đến đổi mới và tăng cường hoạt động phổ biến thông tin. Thực trạng phổ biến thông tin thống kê hiện nay không những đang gây trở ngại cho người dùng tin mà còn ảnh hưởng không nhỏ đến vai trò và vị thế của các cơ quan thống kê nói riêng cũng như của ngành Thống kê nói chung.

- Thông tin thống kê chưa đáp ứng, chưa bám sát yêu cầu của các nhà đầu tư, chỉ đáp ứng trên nguyên tắc cung cấp cái gì mà thống kê có, chứ chưa cung cấp được cái mà các nhà đầu tư cần.

- Hình thức phổ biến thông tin hiện đại sử dụng tiến bộ của công nghệ thông tin chưa được áp dụng nhiều.

- Chưa có một cơ chế phổ biến thông tin rõ ràng, minh bạch và dễ tiếp cận đối với người dùng tin.

II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG THÔNG TIN THỐNG KÊ CỦA TRUNG TÂM TƯ LIỆU THỐNG KÊ”

1. Xác định đối tượng thông tin theo tính ổn định của nội dung thông tin

Đối tượng thông tin của Trung tâm Tư liệu Thống kê tương đối đa dạng và ngày càng được bổ sung, nhưng nếu xét theo tính ổn định của nội dung thông tin thì có thể chia đối tượng thông tin của Trung tâm Tư liệu Thống kê thành 2 nhóm lớn:

Nhóm thứ nhất, bao gồm những đối tượng có nhu cầu thông tin ổn định và có thể xác định trước được bằng hệ thống chỉ tiêu cần thông tin và hệ thống chỉ tiêu này áp dụng được cho tất cả các chu kỳ cung cấp. Thuộc nhóm này bao gồm: (1) Lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở các cấp; (2) Các cơ quan tổng hợp như Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành khác; (3) Các cơ quan tổng hợp tương ứng ở địa phương; (4) Các doanh nghiệp và các nhà đầu tư; (5) Các cơ quan tuyên truyền và thông tin đại chúng trong nước và một số tổ chức quốc tế có quan hệ thường xuyên với nước ta.

Đặc điểm chung của nhóm đối tượng này là có nhu cầu thông tin tương đối ổn định, có thể xác định trước được hệ thống chỉ tiêu cần thông tin và chu kỳ thông tin. Đối với nhóm đối tượng này, họ cần cung cấp những thông tin tổng hợp và tương đối toàn diện ở tầm vĩ mô, phục vụ việc đưa ra chiến lược, chính sách và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trung hạn hoặc dài hạn và những thông tin phục vụ việc quản lý, điều hành các kế hoạch ngắn hạn của họ là chủ yếu.

Nhóm thứ hai, bao gồm các đối tượng thường không có nhu cầu thông tin ổn định; hệ thống chỉ tiêu giữa các lần phát sinh nhu cầu thông tin khá

khác biệt nhau; thông tin đòi hỏi chi tiết và chuyên sâu về một lĩnh vực, một ngành hay một vùng lãnh thổ nào đó. Thuộc nhóm này bao gồm: (1) Các cơ quan và cá nhân sử dụng thông tin thống kê để nghiên cứu, giảng dạy và học tập; (2) Các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong nước cũng như ngoài nước; (3) Các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khác.

Đối với nhóm đối tượng thứ hai này, một phần nhu cầu thông tin của họ có thể thoả mãn bằng cách chọn lựa từ các thông tin cung cấp cho nhóm đối tượng thứ nhất. Nhưng đó chưa phải là phần chủ yếu vì hầu hết nhu cầu thông tin của nhóm đối tượng này thường là những thông tin rất chi tiết và chuyên sâu, vượt ra ngoài hệ thống chỉ tiêu và số liệu thống kê hiện có sẵn.

2. Xác định đối tượng thông tin theo hình thức phổ biến thông tin chủ yếu áp dụng đối với đối tượng

Nếu theo hình thức phổ biến này thì các đối tượng thông tin của Trung tâm Tư liệu Thống kê cũng được chia thành 2 nhóm:

Nhóm thứ nhất, bao gồm những đối tượng chủ yếu khai thác thông tin trên các ấn phẩm do Trung tâm Tư liệu Thống kê biên soạn và phát hành hoặc các ấn phẩm do các đơn vị khác biên soạn và đã công bố nhưng Trung tâm có trách nhiệm lưu giữ tại Trung tâm để các đối tượng dùng tin có thể đến khai thác một cách bình đẳng và dễ dàng.

Nhóm thứ hai, bao gồm những đối tượng chủ yếu khai thác thông tin trên mạng vi tính và dưới sự trợ giúp của các vật mang tin đọc qua máy vi tính.

3. Xác định đối tượng thông tin theo cơ chế cung cấp thông tin tới đối tượng

Theo cơ chế chi trả cho việc cung cấp thông tin thì đối tượng thông tin của Trung tâm Tư liệu Thống kê cũng được chia thành hai nhóm chính:

Nhóm thứ nhất, bao gồm những đối tượng được cung cấp miễn phí.

Nhóm thứ hai, bao gồm những đối tượng phải chi trả cho những thông tin thống kê mà Trung tâm Tư liệu Thống kê đã cung cấp. Việc chi trả này có

thể dưới hình thức thu một phần chi phí hoặc toàn bộ chi phí tùy theo đối tượng và yêu cầu thông tin của họ.

III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ CỦA TRUNG TÂM TƯ LIỆU THỐNG KÊ”

1. Nội dung thông tin về các chỉ tiêu tổng hợp

Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp bao gồm các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất và phát triển xã hội, hệ thống tài khoản quốc gia, các chỉ tiêu về hoạt động tài chính của chính phủ, Các chỉ tiêu về kinh tế đối ngoại và các chỉ tiêu về lĩnh vực tiền tệ. Có thể qui về một số nhóm chỉ tiêu chính như sau:

(1) Các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế - xã hội

- Năng suất lao động xã hội
- Hệ số ICOR
- Chỉ số phát triển con người (HDI)

(2) Các chỉ tiêu về tài khoản quốc gia

- Tổng sản phẩm trong nước. Tổng sản phẩm trong nước được tính theo giá hiện hành và giá so sánh.
- Giá trị sản xuất (GO)
- Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (giá thực tế)
- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (giá so sánh)
- Tích lũy tài sản gộp (giá thực tế và giá so sánh)
- Tích lũy tài sản thuần (giá thực tế và giá so sánh)
- Tiêu dùng cuối cùng
- Tiêu dùng cuối cùng thực tế của Nhà nước
- Tiêu dùng cuối cùng của cá nhân
- Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người
- Tổng thu nhập quốc gia
- Thu nhập quốc gia khả dụng/ thu nhập quốc gia có thể sử dụng

- Tiết kiệm so với GDP.

(3) Các Chỉ tiêu về hoạt động tài chính của Chính phủ

- Thu ngân sách Nhà nước
- Chi ngân sách Nhà nước
- Bội chi ngân sách nhà nước.

(4) Các chỉ tiêu về khu vực kinh tế đối ngoại

- Nợ của Chính phủ (hiện có, đến hạn, đã trả)
- Nợ nước ngoài (hiện có, đến hạn, đã trả)
- Cán cân thanh toán quốc tế (khoản mục).

(5) Các chỉ tiêu về tiền tệ

- Tổng phương tiện thanh toán
- Lãi suất tiền gửi bình quân
- Tỷ giá hối đoái bình quân giữa VND và USD
- Dự trữ ngoại hối nhà nước
- Chỉ số giá cổ phiếu Việt Nam (VN Index).

2. Nội dung thông tin về các chỉ tiêu khu vực I, II (nông, lâm nghiệp, thủy sản)

2.1. Các chỉ tiêu nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản (phân theo tỉnh/TP)
- Diện tích gieo trồng cây hàng năm
- Diện tích cây lâu năm
- Diện tích gieo trồng cây hàng năm được làm đất bằng máy (phân theo loại cây, tỉnh/TP)
- Diện tích đất nông nghiệp được tưới, tiêu (phân theo loại đất, điều kiện tưới, tiêu, tỉnh/TP)
- Năng suất một số cây trồng chủ yếu

- Sản lượng một số cây trồng chủ yếu
- Sản lượng một số sản phẩm nông nghiệp sản xuất bình quân đầu người
- Số lượng gia súc, gia cầm và vật nuôi khác
- Diện tích rừng trồng tập trung
- Sản lượng khai thác gỗ và lâm sản
- Sản lượng nuôi trồng thủy sản
- Sản lượng thủy sản khai thác (hay đánh bắt)
- Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.

2.2. Các chỉ tiêu công nghiệp và xây dựng

- Giá trị sản xuất công nghiệp
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/TP)
- Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
- Vốn đầu tư thực hiện
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản
- Doanh thu thuần xây dựng là doanh thu thu được trong lĩnh vực xây dựng sau khi đã trừ những khoản phải nộp và các khoản giảm trừ khác
- Giá trị sản xuất xây dựng
- Giá trị tài sản cố định mới tăng.

3. Nội dung thông tin về các chỉ tiêu khu vực dịch vụ

3.1. Thương mại, giá cả

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và Doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội (giá thực tế và phân theo loại hình kinh tế và phân theo nhóm hàng)
- Số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại (phân theo qui mô, loại hình kinh tế, tỉnh/TP)

- Giá trị xuất khẩu hàng hoá (phân theo loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ hàng đến, tỉnh/TP, ngành kinh tế, danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu, danh mục sản phẩm)
- Giá trị nhập khẩu hàng hoá (phân theo loại hình kinh tế, nước/vùng lãnh thổ hàng xuất xứ, tỉnh/TP, ngành kinh tế, danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu, danh mục sản phẩm)
- Lượng và giá trị mặt hàng xuất khẩu chủ yếu (phân theo mặt hàng chủ yếu, nước/vùng lãnh thổ hàng đến, danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu)
- Lượng và giá trị mặt hàng nhập khẩu chủ yếu (phân theo mặt hàng chủ yếu, nước/vùng lãnh thổ hàng xuất xứ, danh mục hàng hoá XNK)
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ
- Chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất (theo nhóm hàng)
- Chỉ số giá sản xuất (PPI) (phân theo nhóm hàng, vùng)
- Chỉ số giá xuất khẩu/nhập khẩu hàng hoá (phân theo nhóm hàng)
- Giá bán lẻ của một số loại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng.

3.2. Du lịch

- *Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam* (phân theo một số quốc tịch chính trên thế giới, mục đích, phương tiện)
- *Số lượt khách Việt Nam ra nước ngoài* (phân theo một số nước/vùng lãnh thổ, mục đích, phương tiện)
- *Số lượt khách du lịch trong nước* (phân theo tỉnh/TP đến)
- *Kết quả kinh doanh du lịch của các cơ sở lưu trú và cơ sở lữ hành*
- *Chi tiêu của khách quốc tế đến Việt Nam* (phân theo loại chi tiêu, quốc tịch)
- *Chi tiêu của khách du lịch trong nước* (phân theo loại chi tiêu, tỉnh/TP)

3.3. Giao thông vận tải

- *Phương tiện vận tải*

- *Khối lượng hành khách vận chuyển và luân chuyển* (phân theo ngành vận tải, cấp quản lý, thành phần kinh tế và tỉnh/TP)
- *Khối lượng hàng hoá vận chuyển và luân chuyển* (phân theo ngành vận tải, cấp quản lý, thành phần kinh tế và tỉnh/TP).

3.4. Bưu chính, viễn thông

- *Sản lượng và doanh thu bưu chính viễn thông* (phân theo loại sản phẩm và ngành kinh tế)
- *Số thuê bao điện thoại, internet* (phân theo loại thuê bao, tỉnh/TP)
- *Số thuê bao điện thoại bình quân 100 dân* (phân theo loại thuê bao, tỉnh/TP)
- *Số đơn vị có trang tin điện tử* (phân theo loại hình kinh tế, ngành kinh tế, tỉnh/TP)
- *Số đơn vị có giao dịch thương mại điện tử mức độ hoàn chỉnh (Ecommerce)* (phân theo loại hình kinh tế, ngành kinh tế)
- *Số máy vi tính đang sử dụng* (phân theo đối tượng sử dụng, tỉnh/TP).

3.5. Giáo dục và đào tạo

- *Số trường, lớp, phòng học mầm non* (phân theo loại hình, loại trường, tỉnh/TP)
- *Số giáo viên; số học sinh mầm non* (phân theo loại hình, loại trường, giới tính, dân tộc, tỉnh/TP)
- *Số trường học; số lớp, phòng học phổ thông* (phân theo loại hình, cấp học, loại trường, tỉnh/TP)
- *Số giáo viên; số học sinh phổ thông* (phân theo loại hình, cấp học, giới tính, dân tộc, tỉnh/TP)
- *Tỷ lệ học sinh phổ thông tốt nghiệp* (phân theo cấp học, giới tính, tỉnh/TP)
- *Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban, bỏ học* (phân theo cấp học, giới tính, tỉnh/TP)

- Số trường học, phòng thí nghiệm, thư viện, xưởng thực tập... của các trường trung học chuyên nghiệp (THCN) (phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số giáo viên; số học sinh THCN (phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, tỉnh/TP)
- Số trường học, phòng thí nghiệm, thư viện, xưởng thực tập... của các trường cao đẳng (phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số giáo viên; số học sinh cao đẳng (phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, tỉnh/TP)
- Số trường học, phòng thí nghiệm, thư viện, xưởng thực tập... của các trường đại học (phân theo loại hình, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số giáo viên; số học sinh đại học (phân theo loại hình, cấp quản lý, giới tính, dân tộc, tỉnh/TP)
- Số người được đào tạo sau đại học
- Chi cho hoạt động giáo dục và đào tạo.

3.6. Y tế và chăm sóc sức khỏe

- Số cơ sở y tế, số giường bệnh (phân theo loại hình, cấp quản lý, loại cơ sở, tỉnh/TP)
- Số cán bộ y tế (phân theo loại hình, chuyên ngành, cấp quản lý, loại cơ sở, giới tính, dân tộc, trình độ, tỉnh/TP)
- Số bác sỹ bình quân 1 vạn dân (Phân theo tỉnh/TP)
- Tỷ lệ trạm y tế xã/phường thị trấn có bác sỹ (phân theo tỉnh/TP)
- Tỷ lệ trạm y tế xã/phường thị trấn có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh (phân theo tỉnh/TP)
- Tỷ lệ mắc/chết 10 bệnh/nhóm bệnh cao nhất tính trên 100.000 dân (phân theo bệnh/nhóm bệnh, giới tính)
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (phân theo tỉnh/TP)

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (phân theo mức độ SDD, giới tính, dân tộc, tháng tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- Số vụ, số người bị ngộ độc thức ăn (phân theo tỉnh/TP)
- Số ca mắc, số người chết do các bệnh dịch (phân theo giới tính, nhóm tuổi, tỉnh/TP)
- Chi cho hoạt động y tế (phân theo nguồn, khoản mục).

3.7. Văn hoá, thông tin, thể thao

- Số nhà xuất bản, toà soạn báo, tạp chí (phân theo loại hình, loại xuất bản phẩm, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số đầu, bản sách, báo, tạp chí, băng đĩa xuất bản (phân theo loại xuất bản phẩm, ngôn ngữ, tỉnh/TP)
- Số hãng phim (phân theo loại hình)
- Số bộ, bản phim sản xuất, xuất, nhập khẩu (Phân theo thể loại phim, chất liệu)
- Số thư viện, tài liệu trong thư viện (phân theo loại thư viện, loại tài liệu, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số lượt người được phục vụ trong thư viện (phân theo loại thư viện, cấp quản lý, tỉnh/TP)
- Số đơn vị chiếu bóng, số rạp và số lượt người xem chiếu bóng (phân theo tỉnh/TP)
- Số đơn vị nghệ thuật, số rạp hát, số buổi biểu diễn và số lượt người xem biểu diễn nghệ thuật (phân theo loại hình nghệ thuật, tỉnh/TP)
- Số di tích được xếp hạng (phân theo loại di tích, cấp công nhận, tỉnh/TP)
- Số đài phát thanh truyền hình (phân theo cấp quản lý)
- Số xã đã được phủ sóng phát thanh, truyền hình (phân theo tỉnh/TP)
- Chi cho hoạt động sự nghiệp văn hoá, thông tin (phân theo nguồn, khoản mục)

- *Số vận động viên, trọng tài* (phân theo cấp quản lý, đẳng cấp, môn thể thao, giới tính, tỉnh/TP)
- *Số huy chương trong các kỳ thi đấu quốc tế* (phân theo loại huy chương, môn thể thao, giới tính, tỉnh/TP)
- *Tỷ lệ tập luyện thể dục thể thao thường xuyên* (phân theo giới tính, tỉnh/TP)
- Chi cho hoạt động sự nghiệp thể thao (phân theo nguồn, khoản mục).

4. Nội dung thông tin về các chỉ tiêu điều kiện tự nhiên, đất đai, xã hội và môi trường

4.1. Điều kiện tự nhiên, đất đai

- *Diện tích đất* (phân theo hiện trạng sử dụng, tỉnh/TP)
- *Số giờ nắng, lượng mưa, độ ẩm không khí, nhiệt độ không khí* (phân theo tháng, trạm quan sát đại diện)
- *Mức nước và lưu lượng ở một số sông chính* (phân theo sông chính)
- *Số đơn vị hành chính* (phân theo cấp hành chính).

4.2. Xã hội

- *Dân số* (phân theo giới tính, độ tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Số hộ* (phân theo loại hộ, qui mô hộ, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Mật độ dân số* (phân theo tỉnh/TP)
- *Tỷ suất sinh thô* (phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Tổng tỷ suất sinh* (phân theo thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Tỷ suất chết thô* (phân theo giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Tỷ suất tăng dân số* (phân theo thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Tỷ suất nhập cư, xuất cư, tỷ suất di cư thuần* (phân theo tỉnh/TP)
- *Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh* (phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)

- *Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ* (phân theo giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 5 năm); (phân theo dân tộc, giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 10 năm)
- *Số năm đi học trung bình của dân số* (phân theo giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 5 năm); (phân theo dân tộc, giới tính, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 10 năm)
- *Lực lượng lao động* (phân theo giới tính, nhóm tuổi, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP)
- *Lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân* (phân theo giới tính, ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/TP)
- *Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đã qua đào tạo* (phân theo giới tính, ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/TP)
- *Số người thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị* (phân theo giới tính, nhóm tuổi, trình độ chuyên môn, thời gian thất nghiệp, tỉnh/TP)
- *Số ngày làm việc bình quân 1 lao động ở nông thôn* (phân theo giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/TP)
- *Số lao động được tạo việc làm* (phân theo giới tính, ngành kinh tế, tỉnh/TP)
- *Thu nhập bình quân 1 lao động đang làm việc* (phân theo ngành kinh tế, loại hình kinh tế)
- *Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng* (phân theo nguồn thu, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Chênh lệch thu nhập bình quân nhân khẩu của nhóm hộ có thu nhập cao nhất so với nhóm hộ có thu nhập thấp nhất* (phân theo nguồn thu, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Chi tiêu bình quân nhân khẩu 1 tháng* (phân theo khoản chi, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, vùng với chu kỳ 2 năm)

- *Tỷ lệ nghèo* (phân theo nhóm dân tộc, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Chỉ số khoảng cách nghèo* (phân theo thành thị/nông thôn, vùng với chu kỳ 2 năm)
- *Mức tiêu dùng 1 số mặt hàng chủ yếu bình quân nhân khẩu 1 tháng* (phân theo mặt hàng, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Cơ cấu nhà ở của hộ gia đình* (phân theo sở hữu, loại nhà, diện tích nhà, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Diện tích nhà ở bình quân nhân khẩu* (phân theo sở hữu, loại nhà, nhóm thu nhập, thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Tỷ lệ hộ gia đình dùng điện sinh hoạt, dùng nước hợp vệ sinh, dùng hố xí hợp vệ sinh* (phân theo thành thị/nông thôn, tỉnh/TP với chu kỳ 2 năm)
- *Tỷ lệ che phủ rừng* (phân theo tỉnh/TP)
- *Diện tích rừng bị cháy, bị chặt phá* (phân theo loại rừng, tỉnh/TP)
- *Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại* (phân theo loại thiên tai, tỉnh/TP)
- *Chỉ số phát triển giới*
- *Tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng* (phân theo cấp ủy, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn)
- *Tỷ lệ nữ là đại biểu quốc hội* (phân theo dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn)
- *Tỷ lệ nữ là đại biểu hội đồng nhân dân* (phân theo cấp hành chính, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn)
- *Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chính quyền* (phân theo cấp hành chính, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn)
- *Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo ở doanh nghiệp* (phân theo loại hình kinh tế, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn).

5. Nội dung thông tin về các cuộc điều tra thống kê

5.1. Nội dung thông tin các cuộc Tổng điều tra thống kê

Nội dung phổ biến thông tin của các cuộc Tổng điều tra được xác định gồm: (1) Phương án tiến hành tổng điều tra; bảng hỏi; (2) Tài liệu đánh giá chất lượng của tổng điều tra (nếu có); (3) Cơ sở dữ liệu của cuộc tổng điều tra (cơ sở dữ liệu vĩ mô và vi mô); (4) Các kết quả chủ yếu...

Tổng cục Thống kê có các cuộc Tổng điều tra sau:

- Tổng điều tra dân số và nhà ở (được tiến hành 10 năm 1 lần)
- Tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp (tiến hành năm 1995 và năm 2002 (chu kỳ 5 năm))
- Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản (tiến hành năm 1994, 2001 và 2006 (chu kỳ 5 năm)).

5.2. Nội dung thông tin các cuộc điều tra thống kê định kỳ

Nội dung phổ biến thông tin của các cuộc điều tra được xác định gồm: (1) Phương án điều tra; bảng hỏi; thiết kế mẫu (nếu có); (2) Tài liệu đánh giá chất lượng của tổng điều tra (nếu có); (3) Cơ sở dữ liệu của các cuộc điều tra (cơ sở dữ liệu vĩ mô và vi mô); (4) Các kết quả chủ yếu...

Tổng cục Thống kê có các cuộc điều tra thống kê định kỳ như sau:

- Điều tra toàn bộ công nghiệp (tiến hành năm 1998, năm 2001) và hiện nay là điều tra doanh nghiệp hàng năm từ 2002
- Điều tra mức sống hộ gia đình 2 năm 1 lần
- Các cuộc điều tra thống kê hàng năm do Tổng cục Thống kê tiến hành:

- 1) *Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình 1-4 hàng năm*
- 2) *Điều tra diện tích gieo cấy các loại cây trồng và điều tra năng suất sản lượng cây trồng*
- 3) *Điều tra chăn nuôi 1 tháng 4 và 1 tháng 8 hàng năm*
- 4) *Điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh và điều tra thủy sản ngoài quốc doanh*

5) Điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản 1 tháng 10 hàng năm

6) Điều tra mạng lưới điểm du lịch và điều tra bổ sung về chi tiêu khách du lịch ngày 1 tháng 6 và 30 tháng 8

7) Điều tra doanh nghiệp hàng năm

8) Điều tra vốn đầu tư phát triển và tích lũy tài sản ...

- Các cuộc điều tra thống kê định kỳ hàng quý, hàng tháng do Tổng cục Thống kê tiến hành

- Các cuộc điều tra thống kê không thường xuyên đã được Tổng cục Thống kê tiến hành trong những năm qua

- Các cuộc điều tra thống kê khác mà Tổng cục Thống kê là cơ quan phối hợp và các cuộc điều tra do các Bộ ngành khác tiến hành nhưng có các thông tin tổng hợp liên quan đến nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ...

6. Nội dung thông tin về văn bản pháp lý và phương pháp thống kê

6.1. Các văn bản pháp lý

(1) Luật Thống kê: Luật này đã được Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 13/L/CTN ngày 26 tháng 6 năm 2003 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2004.

(2) Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê

(3) Nghị định số 101/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê...

6.2. Phương pháp, chế độ thống kê

(1) Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia

(2) Hệ thống điều tra thống kê quốc gia

(3) Các chế độ báo cáo thống kê

(4) Các bảng danh mục thống kê

(5) Các phương pháp thống kê khác

7. Nội dung thông tin khác

- (1) Các báo cáo phân tích thống kê dài năm và hàng năm
- (2) Thông tin về hoạt động khoa học thống kê
- (3) Các thông tin về các metadata của Hệ thống phổ biến số liệu chung (GDDS)
- (4) Các thông tin từ các ấn phẩm của các Bộ ngành khác
- (5) Các thông tin từ báo chí
- (6) Các thông tin từ các ấn phẩm thống kê nước ngoài và các tổ chức quốc tế...

IV. XÁC ĐỊNH CÁC HÌNH THỨC PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ CHỦ YẾU CỦA TRUNG TÂM TƯ LIỆU THỐNG KÊ”

1. Xây dựng trang tin điện tử kết nối internet

1.1. Mục đích và yêu cầu cơ bản xây dựng website thống kê kết nối internet

1.1.1. Mục đích xây dựng website thống kê kết nối internet

- Web như là một công cụ hiện đại cung cấp các cách thức hiệu quả hơn và nhanh chóng hơn trong việc trao đổi, chia sẻ và cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước Bộ ngành và các địa phương của Việt Nam.

- Web tạo khả năng phổ biến thông tin rộng lớn với các dạng khác nhau một cách kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp và chất lượng cao.

- Phổ biến thông tin trên Web làm giảm bớt nhu cầu ấn phẩm phải in ra vì vậy làm giảm chi phí in ấn.

- Web giúp người dùng tin tiếp nhận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng và dễ dàng xử lý thông tin khi cần, mang lại hiệu quả cho người dùng tin và xã hội, nâng cao vị thế của Ngành Thống kê.

- Cung cấp các thông tin thống kê nhanh và hiệu quả cho đông đảo những người dùng tin trong nước và quốc tế.

- Nâng cao chất lượng thông tin thống kê cũng như tăng cường năng lực quản lý thông tin và xử lý dữ liệu thống kê.

- Thực hiện từng bước tin học hoá trong lĩnh vực thống kê tiến tới xây dựng một mạng thông tin thống kê.

1.1.2. Các yêu cầu cơ bản xây dựng Website thống kê kết nối internet

- Yêu cầu về nội dung thông tin: Hệ thống thông tin thống kê được xây dựng đảm bảo việc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời và được cập nhật thường xuyên.

- Website thống kê phải mang đặc thù nghề nghiệp, nên cách thể hiện nội dung thông tin phải đảm bảo được các dạng thể hiện như bảng biểu, biểu đồ, hình ảnh và dạng bài viết phân tích.

- Tổ chức thông tin trên Website phải hợp lý, các mục thông tin phải gắn với từng chủ đề, từng đơn vị và các thông tin liên quan phải được link với nhau. Thông tin được tổ chức thành nhiều tầng, nhiều lớp để phù hợp với nhu cầu của người sử dụng (Từ thông tin tổng hợp dẫn đến các thông tin chi tiết).

- Thông tin phải được biên tập chuẩn về phong chữ (Unicode), tối ưu hoá các trang tin để dễ xem trên màn hình máy vi tính.

- Hệ thống thư tín điện tử phải được tổ chức tiện dụng và đáp ứng nhu cầu của cán bộ công chức trong và ngoài ngành, của công chúng khi cần trao đổi với Tổng cục Thống kê.

- Thiết kế về hình thức: đảm bảo tính thẩm mỹ trong thiết kế, kết hợp được phong cách hiện đại và truyền thống.

- Website thống kê cần được xây dựng với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại và có tính mở để đảm bảo tính thuận tiện trong sử dụng và tính an toàn bảo mật trong khai thác thông tin.

- Website thống kê kết nối internet phải được xây dựng 2 phiên bản (tiếng Việt và tiếng Anh), dễ truy cập và khai thác thông tin.

- Đảm bảo kỹ thuật (tốc độ) trong truyền tải thông tin.

1.2. Cấu trúc của Website thống kê

- Panel chính phía trên gồm các chương chính: Trang chủ; thư tín; góp ý; trang liên kết; hỗ trợ, cấu trúc trang và thông tin thống kê hàng tháng.

- Panel bên trái gồm các mục thông tin chính: Giới thiệu; tin tức - sự kiện; thông cáo báo chí; số liệu thống kê; các cuộc điều tra thống kê; cơ sở dữ

liệu thống kê; phương pháp thống kê; văn bản pháp lý; hỏi đáp; thăm dò dư luận; biểu đồ chỉ số giá tiêu dùng.

- Panel bên phải gồm các mục thông tin chính: Chuyên đề phân tích; công nghệ thông tin; hoạt động khoa học thống kê; Hệ thống Phổ biến số liệu chung; Tạp chí Con số và Sự kiện; các ấn phẩm thống kê; tỷ giá hối đoái; quảng cáo.

- Panel giữa gồm: Thông tin nổi bật; bảng số liệu một số chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; thời sự kinh tế - xã hội; tin địa phương; tin hoạt động ngành.

- Panel phía dưới cùng gồm: công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin; hiển thị số lượt người truy cập.

- Phiên bản tiếng Anh cũng được cấu trúc tương tự như cấu trúc của phiên bản tiếng Việt và được đưa song song với phiên bản tiếng Việt, cũng bao gồm đầy đủ các chương mục chính như tiếng Việt nhưng về nội dung thông tin đưa lên Website có thể hạn chế hơn phiên bản tiếng Việt.

1.3. Nội dung thông tin chủ yếu đưa lên Website thống kê

Dựa theo Quy chế đảm bảo, an ninh mạng máy tính trong cung cấp dịch vụ, thông tin và sử dụng Internet thuộc Tổng cục Thống kê (Ban hành theo Quyết định số 964 ngày 25 tháng 4 năm 2005 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

Nội dung thông tin cụ thể đưa lên một số mục chính của Website thống kê như sau:

- Thông tin thống kê hàng tháng
- Giới thiệu về Tổng cục Thống kê
- Tin tức - sự kiện gồm
- Thông cáo báo chí
- Số liệu thống kê
- Các cuộc điều tra thống kê
- Cơ sở dữ liệu

- Phương pháp thống kê
- Các văn bản pháp
- Các chuyên đề phân tích
- Công nghệ thông tin
- Hoạt động khoa học thống kê
- Hệ thống phổ biến số liệu chung (GDDS)
- Tạp chí Con số và Sự kiện
- Các ấn phẩm thống kê
- Liên kết ...

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phổ biến thông tin

2.1. Mục tiêu của việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội

Cơ sở dữ liệu thống kê là một hệ thống quản lý, sắp xếp, lưu giữ và cập nhật thông tin một cách khoa học nhằm mục đích cung cấp, phục vụ nhanh chóng, đầy đủ và thuận tiện các nhu cầu đa dạng của các đối tượng dùng tin.

2.2. Cấu trúc cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội

- Cơ sở dữ liệu thống kê hành chính, đất đai, khí tượng thủy văn
- Cơ sở dữ liệu thống kê dân số, lao động và việc làm
- Cơ sở dữ liệu thống kê tài khoản quốc gia
- Cơ sở dữ liệu thống kê nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- Cơ sở dữ liệu thống kê công nghiệp
- Cơ sở dữ liệu về lĩnh vực đầu tư
- Cơ sở dữ liệu về thương mại và giá cả
- Cơ sở dữ liệu về du lịch
- Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp
- Cơ sở dữ liệu về vận tải và bưu điện
- Cơ sở dữ liệu về giáo dục
- Cơ sở dữ liệu về y tế

- Cơ sở dữ liệu về văn hoá, xã hội và đời sống
- Cơ sở dữ liệu về các vấn đề khác
- Cơ sở dữ liệu về thống kê nước ngoài.

3. Phổ biến thông tin qua điện thoại và một số vật mang tin điện tử

3.1. Hình thức phổ biến thông tin thống kê qua điện thoại

Người dùng tin ngày nay ngoài việc tra cứu, tìm kiếm thông tin bằng các phương tiện truyền thống có thể sử dụng điện thoại như một công cụ hữu hiệu để tìm kiếm thông tin. Tại Tổng cục Thống kê bước đầu đã có hình thức trả lời thông tin qua điện thoại. Tuy nhiên hình thức trả lời thông tin này mới chỉ là việc giải đáp những thắc mắc của người sử dụng tin tại các đơn vị nghiệp vụ mà chưa được tập trung về một môi, đưa nó trở thành một hình thức dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin có thu phí. Để hình thức phổ biến thông tin thống kê qua điện thoại có thể trở thành hoạt động dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin có thu phí cần có những điều kiện cơ bản sau:

- *Một là*, xây dựng một hệ cơ sở dữ liệu thống kê dựa trên các nguồn thông tin Tổng cục Thống kê hiện có từ chế độ báo cáo thống kê thường xuyên, từ các cuộc điều tra định kỳ và điều tra theo nhu cầu.

- *Hai là*, xây dựng cơ chế phối hợp giữa Trung tâm Tư liệu Thống kê và các đơn vị nghiệp vụ trong Tổng cục.

- *Ba là*, xây dựng quy chế phổ biến thông tin thống kê qua điện thoại về mức độ cung cấp (miễn phí, phí dịch vụ số liệu, phí dịch vụ tư vấn nghiệp vụ...)

- *Bốn là*, đào tạo các cán bộ có kiến thức tổng hợp về nhiều lĩnh vực, có thể nhanh chóng nắm bắt được nhu cầu thông tin qua điện thoại.

Trên cơ sở đã xây dựng được cơ chế hoạt động và các điều kiện phù hợp đã nêu ở trên, Trung tâm Tư liệu sẽ có một máy điện thoại đặt tại phòng Phát triển sản phẩm và dịch vụ thống kê chuyên sử dụng cho hoạt động dịch vụ thống kê. Số máy điện thoại này sẽ có từ 1-2 người chuyên trách, trực theo thời gian quy định, ngoài hoạt động cung cấp thông tin có trong cơ sở dữ liệu, mọi thông tin dưới dạng tư vấn đều liên lạc trực tiếp với các chuyên gia đầu

ngành về các lĩnh vực. Để thực hiện được hình thức phổ biến thông tin qua điện thoại đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của Trung tâm Tư liệu Thống kê mà còn cần tới sự phối hợp chặt chẽ của các vụ nghiệp vụ về số liệu, về nhân lực...

3.2. Hình thức phổ biến thông tin qua các vật mang tin điện tử

Các vật mang tin điện tử như được trình bày ở phần trên gồm: (i) các sản phẩm in ấn từ máy tính, (ii) đĩa mềm, (iii) truyền qua mạng máy tính internet, (iv) CR-ROM, DVD, và (v) dịch vụ điện thoại, fax và email...

Cũng giống như hình thức phổ biến thông tin qua điện thoại, hình thức phổ biến thông tin áp dụng công nghệ tiên tiến cũng cần đáp ứng các điều kiện cơ bản như trên.

4. Phổ biến thông tin qua xây dựng thư viện tư liệu thống kê

4.1. Xây dựng điều kiện cơ sở vật chất cho thư viện tư liệu thống kê

(1) Kho sách và phòng đọc:

Kho sách và phòng đọc là yêu cầu tối thiểu cần phải có cho một thư viện. Đó là nơi lưu giữ và bảo quản các tư liệu, yêu cầu phải thoáng mát, phải đủ tiêu chuẩn theo quy định về lưu trữ, bảo vệ tài liệu vĩnh cửu. Các phòng đều có thang để người đọc hoặc nhân viên thư viện có thể sử dụng dễ dàng khi lấy, trả tài liệu ở trên cao, trong kho sách, các ngăn giá sách có chiều cao hợp lý, các giá sách sắp đặt một cách khoa học .

Phòng đọc yêu cầu phải thoáng mát, đủ ánh sáng, có đủ bàn ghế, chỗ ngồi tạo điều kiện cho người đọc thoải mái, các phòng trên cần có giá sách cao, chia tầng, ngăn hợp lý, có thể đặt, để các loại sách khác nhau, phòng đọc có thể để một số sách báo, tạp chí thường nhật, người đọc có thể tự do lựa chọn. Diện tích phòng đọc khoảng 50 m². Tại đây bạn đọc nghiên cứu tại chỗ, tra cứu danh mục tài liệu trên máy, hoặc trên tài liệu được in sẵn.

(2) Máy tính và các bộ công cụ:

Cần trang bị cho mỗi nhân viên thư viện 1 máy tính, để phục vụ cho việc quản lý tư liệu trong quá trình giao dịch ở thư viện (mượn, trả sách).

Cần có 1-2 máy tính ở phòng đọc, tại đó khách có thể tìm kiếm sách qua thư mục và nội dung sách lưu trên máy. Ban đầu, có thể thiết lập thư mục thông qua các phiếu sách (catalog). Với trình độ ứng dụng thông tin hiện nay, các thư viện hiện đại ứng dụng tìm kiếm sách bằng thư mục điện tử trên máy tính, tuy nhiên có thể in thành tập thư mục tên sách được phân tổ theo tiêu thức nào đó có thể là tên sách, tên tác giả, năm xuất bản vv... để khách tra cứu.

Các nhân viên thư viện phải được đào tạo những kiến thức mới về thư viện, thường xuyên được cập nhật các kỹ năng sử dụng những bộ chương trình mới nhất về quản lý thư viện.

4.2. Quản lý dịch vụ thư viện

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong ngành nộp lưu chiểu.
- Cập nhật tư liệu bằng hình thức mua các sách, tư liệu từ các ngành hoặc trên thị trường sách
 - Trao đổi tư liệu với các đơn vị trong và ngoài nước
 - Mượn sách: Chỉ cấp thẻ mượn cho trong Tổng cục trong thời gian 1 tháng, số lượng mỗi lần mượn không quá 2 cuốn
 - Sắp xếp tư liệu thư viện một cách khoa học.

4.3. Tổ chức

- Nhân sự phòng tư liệu thư viện gồm 4 người: 1 trưởng phòng, 3 nhân viên, 1 người phụ trách chung.
 - 1 người trực phòng đọc và trả lời các thông tin trực tiếp của khách tại phòng đọc cũng như các nơi gọi đến bằng điện thoại hoặc email.
 - 1 người trực cho mượn, trả tài liệu.
 - 1 người thường xuyên cập nhật đầu sách, nội dung sách vào thư mục điện tử và thực hiện thư viện điện tử, làm các công việc khác và sẵn sàng hỗ trợ các đồng nghiệp khi bận các công việc đột xuất khác. Các cán bộ đều phải có trình độ máy tính đáp ứng nhu cầu quản lý thư viện.

4.4. Xây dựng chức năng nhiệm vụ cho thư viện

- Chức năng: Giúp Giám đốc Trung tâm thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý thư viện, là kho đầu ngành có chức năng tập hợp, quản lý các tư liệu thống kê đã công bố, phổ biến các thông tin thống kê này đến các đối tượng dùng tin theo cơ chế phù hợp, có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Trung tâm về hoạt động thư viện.

- Nhiệm vụ: Có nhiệm vụ thu thập, hệ thống hoá, cập nhật, lưu giữ và quản lý các tư liệu thống kê đã được công bố bao gồm:

- Phối hợp với các phòng trong Trung tâm Tư liệu lưu giữ và xây dựng cơ sở dữ liệu riêng có của Trung tâm Tư liệu để phục vụ người dùng tin thông qua các ấn phẩm hoặc trên máy vi tính.

- Quản lý và bảo quản các tư liệu của thư viện, đề xuất các phương án giải quyết để bảo vệ chất lượng của các tư liệu lưu giữ trong thư viện.

- Theo dõi đơn đốc các đơn vị trong ngành nộp lưu chiểu tư liệu cho Trung tâm,...số lượng qua hình thức mua tài liệu.

- Thực hiện hợp tác trao đổi tư liệu thống kê với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước.

- Đề xuất, chuẩn bị điều kiện vật chất và phục vụ có chất lượng nhu cầu thông tin của bạn đọc trong cả nước.

- Có trách nhiệm cập nhật và tiếp cận, học hỏi kinh nghiệm nghiệp vụ quản lý thư viện tiên tiến trong nước và quốc tế.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm giao

5. Bản tin thống kê và các ấn phẩm thống kê

5.1. Bản tin thống kê

Bản tin thống kê là tài liệu nội bộ do Trung tâm Tư liệu thống kê biên soạn nhằm cung cấp những thông tin thống kê và kinh tế có liên quan phục vụ các đồng chí lãnh đạo Tổng cục, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo các Cục Thống kê các tỉnh, thành phố. Nội dung bản tin bao gồm các thông tin thống kê về tình hình kinh tế- xã hội cả nước do Tổng cục Thống kê công

bố, các thông tin tình hình kinh tế- xã hội các địa phương, các hoạt động của ngành, tổng hợp các tin tức từ các báo chí trong và ngoài nước về các vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến công tác thống kê.

Bản tin thống kê ra 2 kỳ một tháng vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng.

Cấu trúc của Bản tin thống kê gồm các phần chính sau:

1) Tin tổng hợp: Các tin bài giới thiệu tình hình kinh tế - xã hội có tính tổng hợp chung của cả nước.

2) Tin ngành: Phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của các ngành kinh tế, các lĩnh vực.

3) Tin địa phương: Các tin bài giới thiệu tình hình kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố, địa phương trong cả nước.

4) Tin nước ngoài: Các tin bài giới thiệu tình hình kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực và thế giới.

5) Tin hoạt động ngành: Các tin bài giới thiệu các hoạt động của ngành Thống kê như tập huấn nghiệp vụ, triển khai các cuộc điều tra, các hội thảo theo các chuyên đề...

6) Tin văn: Tuyển chọn các tin tức về hoạt động của các cơ quan Đảng, Chính phủ hoặc các tin văn về các lĩnh vực các ngành kinh tế...

5.2. Các ấn phẩm thống kê (hard copy)

Các sản phẩm in ấn là phương pháp phổ biến thông tin phổ biến nhất. Hiện nay, Tổng cục Thống kê phát hành một số ấn phẩm thường xuyên cũng như các ấn phẩm không thường xuyên để công bố kết quả các cuộc điều tra, các báo cáo tình hình kinh tế – xã hội tháng, quý, năm

Các ấn phẩm thống kê được biên tập cho phổ biến có thể được chia thành 2 nhóm chủ yếu: thường xuyên và không thường xuyên. Các ấn phẩm thường xuyên bao gồm các sản phẩm thông tin nhanh như báo cáo tháng, các cuốn sách mỏng, niên giám thống kê hàng năm bao gồm những lĩnh vực cụ thể, thống kê nhiều năm, và báo cáo Tổng điều tra và các cuộc điều tra định kỳ. Các ấn phẩm không thường xuyên bao gồm các báo cáo về các cuộc điều tra đặc biệt chỉ điều tra 1 lần.

6. Hoạt động dịch vụ trong phổ biến thông tin thống kê

Trong khuôn khổ đề tài này, không đặt ra việc nghiên cứu nội dung của dịch vụ thống kê nói chung mà chỉ đề cập đến dịch vụ thông tin thống kê.

Hiểu một cách khái quát thì hoạt động dịch vụ phổ biến thông tin *là tiến hành một cách có tổ chức việc cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu của các đối tượng sử dụng theo cơ chế thu phí*. Như vậy, nội hàm của hoạt động dịch vụ phổ biến thông tin bao gồm 3 vấn đề chính: (1) Tiến hành việc cung cấp thông tin cho các đối tượng dùng tin đáp ứng được yêu cầu của họ; (2) Việc cung cấp thông tin này sẽ được những người sử dụng thông tin trả công qua hình thức trả chi phí; (3) Việc cung cấp thông tin cũng như việc trả công/trả chi phí phải được tiến hành một cách có tổ chức.

Trong Quyết định số 403/QĐ-TCTK ngày 22/6/2004 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Trung tâm Tư liệu Thống kê đã nêu “*Phát triển và quảng bá các hình thức dịch vụ thông tin: Phục vụ tra cứu tại chỗ, cung cấp các ấn phẩm, cung cấp các thông tin qua trang thông tin điện tử, qua Fax, điện thoại, email, CD-ROM...*”. Như vậy, nội dung hoạt động phổ biến thông tin của Trung tâm Tư liệu Thống kê bao gồm 4 loại dịch vụ chủ yếu, đó là:

(1) *Dịch vụ tra cứu tư liệu tại chỗ*: Đây là loại dịch vụ phổ biến thông tin rất phổ biến. Phòng Quản lý Tư liệu và Thư viện Thống kê với chức năng không chỉ quản lý các ấn phẩm thống kê đã xuất bản mà còn có một số máy vi tính cài đặt thông tin thống kê để người dùng tin có thể trực tiếp tìm kiếm các thông tin theo đòi hỏi nghiên cứu và triển khai của họ. Ngoài ra, ở Phòng này có thể còn có một số máy in chụp để hoạt động dịch vụ in chụp tại chỗ.

(2) *Dịch vụ cung cấp các ấn phẩm thống kê*: Trung tâm Tư liệu Thống kê không chỉ thụ động tổ chức các hoạt động dịch vụ cung cấp các ấn phẩm thống kê sẵn có đã được các Vụ, các đơn vị khác trong Tổng cục Thống kê cũng như thống kê các Bộ, ngành và địa phương phát hành, mà còn phải chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị tổ chức trong và ngoài Thống kê biên soạn và phát hành những ấn phẩm thống kê phù hợp với nhu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin.

(3) *Dịch vụ cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử:* Để quản lý và biên soạn trang tin này, Trung tâm Tư liệu Thống kê đã thành lập Phòng Biên tập và Quản lý Website Thống kê. Tuy mới đưa vào hoạt động nhưng trang thông tin này đang được nhiều người dùng tin truy cập và đánh giá cao. Tuy nhiên, đến nay tất cả những người truy cập website thống kê đều chưa phải trả tiền, trong khi đó ở nhiều nước thì việc tổ chức dịch vụ cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử nói chung và trang thông tin điện tử thống kê nói riêng cho các đối tượng trong nước cũng như nước ngoài thường đem lại những khoản thu đáng kể vì thông thường, người truy cập những thông tin chung nhất của website thì được miễn phí, nhưng muốn truy cập sâu hơn thì phải trả tiền, tức là phải sử dụng dịch vụ của đơn vị/cơ quan cung cấp tin.

(4) *Các loại dịch vụ phổ biến thông tin khác:* Trung tâm Tư liệu Thống kê có thể và cần phải tổ chức một số loại dịch vụ khác như dịch vụ cung cấp thông tin qua các vật mang thông tin có thể đọc trên máy vi tính như đĩa mềm, CD-ROM. Ngoài ra, cũng cần phải phát triển loại dịch vụ trả lời/cung cấp thông tin cho người dùng tin qua Fax, điện thoại, email hoặc cử nhân viên của Trung tâm trực tiếp trả lời các câu hỏi/phỏng vấn hoặc điền vào các bảng hỏi của khách hàng/người dùng tin gửi đến. Hoạt động dịch vụ phổ biến thông tin này của thống kê ở một số nước triển khai rất mạnh mẽ với nhiều hoạt động đa dạng.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Việc xác định đối tượng thông tin là rất cần thiết nhưng quan trọng hơn là Trung tâm Tư liệu Thống kê phải tìm cách thoả mãn tối đa nhu cầu thông tin của họ. Trung tâm Tư liệu Thống kê có thể và cần phải đề ra lộ trình và những giải pháp khả thi để từng bước thực hiện lộ trình chiến lược ấy theo phương châm “*Hướng về người dùng tin*”.

- Xác định nội dung phổ biến thông tin thống kê đúng, đủ dựa trên những căn cứ pháp lý, khoa học và tình hình thực tế của công tác phổ biến thông tin thống kê hiện nay sẽ là cơ sở quan trọng để Trung tâm Tư liệu Thống kê thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình, đáp ứng

ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin. Nội dung thông tin trong từng lĩnh vực đã được xác định trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia vừa được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành: (1) Nội dung thông tin về các chỉ tiêu tổng hợp; (2) Nội dung thông tin khu vực sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Công nghiệp và xây dựng; (3) Nội dung thông tin khu vực dịch vụ; (4) Nội dung thông tin về điều kiện tự nhiên, đất đai, xã hội và môi trường; (5) Nội dung thông tin về các văn bản pháp lý liên quan đến thống kê và phương pháp thống kê...

- Hình thức phổ biến thông tin đa dạng hơn và đang từng bước được đổi mới theo hướng ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin. Bên cạnh hình thức phổ biến thông tin truyền thống thông qua các xuất bản phẩm, Tổng cục Thống kê còn tăng cường việc sử dụng công nghệ thông tin. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến thông tin thống kê với quan điểm phổ biến kịp thời, thuận tiện cho các đối tượng sử dụng thông tin thống kê theo nhiều hình thức khác nhau: (1) Việc xây dựng Website thống kê kết nối internet để phổ biến thông tin thống kê, xét về một số khía cạnh có ưu thế hơn hẳn so với phương pháp truyền thống, thông tin được phổ biến một cách kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp và chất lượng cao giúp người dùng tin tiếp nhận thông tin một cách chủ động, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cho người dùng tin và xã hội, nâng cao vị thế của Ngành Thống kê; (2) Xây dựng một hệ cơ sở dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội thống nhất, đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu; (3) Hình thức phổ biến thông tin thông qua việc sử dụng điện thoại và một số vật mang tin điện tử. Đây là hình thức phổ biến thông tin đã được sử dụng tại nhiều nước tiên tiến trên thế giới; (4) Xây dựng và tổ chức Thư viện tư liệu thống kê nhằm phục vụ công tác phổ biến thông tin ngày càng tốt hơn; (5) Các ấn phẩm thống kê là hình thức phổ biến thông tin truyền thống, đang được áp dụng rộng rãi.

- Vấn đề hoạt động dịch vụ phổ biến thông tin bao gồm 3 vấn đề chính: (1) Tiến hành việc cung cấp thông tin cho các đối tượng dùng tin đáp ứng được yêu cầu của họ; (2) Việc cung cấp thông tin này sẽ được những người sử dụng thông tin trả công qua hình thức trả chi phí; (3) Việc cung cấp thông tin cũng như việc trả công/trả chi phí phải được tiến hành một cách có tổ chức và theo cơ chế phù hợp. Nội dung hoạt động phổ biến thông tin của

Trung tâm Tư liệu Thống kê bao gồm 4 loại dịch vụ chủ yếu, đó là: (1) *Dịch vụ tra cứu tư liệu tại chỗ*; (2) *Dịch vụ cung cấp các ấn phẩm thống kê*; (3) *Dịch vụ cung cấp thông tin qua trang thông tin điện tử*; (4) *Các loại dịch vụ phổ biến thông tin khác*

- Công tác phổ biến thông tin thống kê đã có nhiều tiến bộ về cả nội dung và hình thức. Tuy nhiên, cũng còn không ít những tồn tại và thách thức cần hoàn thiện nhất là cần phát triển các sản phẩm và dịch vụ thông tin thống kê theo hướng đa dạng hóa, đồng bộ hóa, chuẩn hóa và tin học hóa nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng của các đối tượng sử dụng thông tin trong nước cũng như ngoài nước và đưa ra được chính sách phổ biến thông tin thống kê nhằm đảm bảo cho các thông tin thống kê được phổ biến kịp thời, đầy đủ, minh bạch, bình đẳng cho mọi đối tượng sử dụng.

Một số kiến nghị

- Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa ngành Thống kê và các đối tượng sử dụng thông tin thống kê, công tác phổ biến thông tin thống kê là cầu nối giữa người sản xuất thông tin với người sử dụng tin. Vì vậy, phải có điều tra, khảo sát để nắm bắt nhu cầu của người sử dụng tin để kịp thời nắm chắc nhu cầu về thông tin thống kê làm cơ sở cho việc đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của các đối tượng sử dụng.

- Phải xây dựng và trình Lãnh đạo Tổng cục Thống kê ban hành Quy chế dịch vụ thông tin thống kê;

- Phải xây dựng được mối quan hệ giữa Trung tâm Tư liệu Thống kê với các đơn vị khác trong Tổng cục Thống kê và giữa Trung tâm Tư liệu Thống kê với các đơn vị ngoài Tổng cục Thống kê, trước hết là với các Trung tâm Thông tin của các Bộ, ngành. Trong các mối quan hệ này, Trung tâm Tư liệu Thống kê phải giữ vai trò cầu nối và là đầu mối chuyển tải thông tin thống kê từ người sản xuất cho người tiêu dùng.

- Phải hoàn thiện bộ máy tổ chức, đào tạo nhân lực để Trung tâm Tư liệu Thống kê có đủ khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ chuyên trách cần được đào tạo chuyên sâu không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ mà còn các kiến thức về tâm lý khách hàng, kỹ năng sử dụng máy tính ...

- Với sự phát triển của công nghệ thông tin nhanh chóng như hiện nay, thì ngoài các hình thức phổ biến thông tin truyền thống đang được áp dụng nhiều (như: phát hành các ấn phẩm tờ gấp tóm tắt số liệu cơ bản, các ấn phẩm...) thì việc phổ biến thông tin thống kê trên Internet phải được đầu tư và tăng cường hơn nữa. Về kỹ thuật phải được đầu tư một đường truyền riêng có tốc độ cao để đảm bảo việc cập nhật thông tin được kịp thời; một Server đủ lớn và thiết bị lưu trữ và backup thông tin đảm bảo. Có kế hoạch dài hạn cho việc hoàn thiện Website thống kê cần phải tăng cường sử dụng các giải pháp cơ sở dữ liệu vì thông tin thống kê cập nhật như hiện nay sẽ lớn lên nhanh chóng; các sản phẩm thống kê có thể download từ đó có cơ chế dịch vụ thông tin thống kê qua Website.

- Trung tâm Tư liệu Thống kê nên được xây dựng từng bước để trở thành một “Trung tâm” có thể đáp ứng được mọi nhu cầu của người dùng tin. Một “Trung tâm” có tương đối đầy đủ thông tin từ các nguồn và sử dụng các hình thức phổ biến thông tin đa dạng, phong phú và hiện đại với một cơ chế phù hợp, thuận tiện và minh bạch, để người dùng tin khi đến Trung tâm sẽ có được những thông tin họ cần hoặc được hướng dẫn một cách chính xác, cụ thể để họ có được thông tin cần thiết đối với yêu cầu của họ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thống kê.
2. Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.
3. Quyết định số 141/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ngày 21 tháng 10 năm 2002 phê duyệt Định hướng phát triển thống kê Việt Nam đến năm 2010.
4. Nghị định 101/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê.
5. Quyết định số 403/QĐ-TCTK ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Trung tâm Tư liệu Thống kê.

6. Xây dựng chính sách phổ biến thông tin thống kê hướng về người dùng tin, TS. Trần Kim Đồng Vụ trưởng Vụ Thống kê Tổng hợp
7. Báo cáo của chuyên gia thống kê Thụy Điển về xây dựng trang Web của Tổng cục Thống kê (Website thống kê).
8. Niên giám thống kê hàng năm và các thông tin đã công bố của Tổng cục Thống kê.
9. Website một số cơ quan Chính phủ và Website thống kê của nước trong khu vực và thế giới.
10. TCTK, Số liệu thống kê Tài khoản quốc gia thời kỳ 1995 – 2002; NXB Thống kê - 2003.
11. TCTK, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ Tài khoản quốc gia và các chuyên ngành: Thương mại, giá cả, xuất nhập khẩu, du lịch... áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
12. Chỉ tiêu xã hội Việt Nam 1990-1995, NXB thống kê, Hà Nội, 1/1997.
13. Số liệu thống kê xã hội những năm đầu thế kỷ 21, NXB Thống kê, 3/2004.
14. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia Ban hành kèm theo Quyết định số 305/2005/QĐ-TTg ngày 24-11-2005 của Thủ tướng Chính phủ.
15. Một số thuật ngữ thống kê thông dụng, NXB thống kê Hà Nội, 2004.